

Tên thị trấn			Rác cháy được	Rác không cháy được	Nhựa và giấy	Chai thủy tinh và lon	Chai nhựa
A	Asahicho	Căn hộ Toei Hikarigaoka Daiichi	Ba & Sáu	Bảy lần 2 & 4	Năm	Tư	Năm
		Các khu vực khác	Ba & Sáu	Bảy lần 2 & 4	Năm	Hai	Hai
	Asahigaoka		Tư & Bảy	Hai lần 1 & 3	Ba	Ba	Ba
D	Doshida		Ba & Sáu	Bảy lần 2 & 4	Năm	Hai	Hai
F	Fujimidai		Hai & Năm	Ba lần 2 & 4	Bảy	Ba	Ba
H	Hayamiya	1 đến 3 chome	Tư & Bảy	Hai lần 2 & 4	Sáu	Sáu	Sáu
		4 chome	Tư & Bảy	Năm lần 2 & 4	Sáu	Sáu	Sáu
	Hazawa		Tư & Bảy	Hai lần 1 & 3	Ba	Ba	Ba
	Heiwadai	1 và 3 chome	Ba & Sáu	Tư lần 1 & 3	Hai	Tư	Tư
		2 và 4 chome	Ba & Sáu	Bảy lần 1 & 3	Hai	Tư	Tư
	Higashioizumi	1 đến 3 và 5 chome	Tư & Bảy	Hai lần 2 & 4	Sáu	Hai	Hai
		4 chome	Tư & Bảy	Năm lần 2 & 4	Sáu	Hai	Hai
		6 và 7 chome	Ba & Sáu	Bảy lần 1 & 3	Hai	Hai	Hai
	Hikarigaoka	1 chome, 1 ban, Tòa nhà #1	Ba & Sáu	Bảy lần 1 & 3	Hai	Ba	Năm
		1 chome, 2 ban, Tòa nhà #2; 2 chome, 9 ban	Hai & Năm	Sáu lần 1 & 3	Tư	Hai	Năm
		1 chome, 3 ban, Tòa nhà #3; 2 chome, 4 ban	Tư & Bảy	Năm lần 1 & 3	Ba	Ba	Năm
		1 chome, 6 ban; 2 chome, 2 ban	Ba & Sáu	Bảy lần 2 & 4	Năm	Hai	Năm
		2 chome, 7 và 8 ban	Tư & Bảy	Năm lần 2 & 4	Sáu	Ba	Năm
		2 chome, 10 ban; 3 chome, 9 ban, #1 và 2	Ba & Sáu	Bảy lần 1 & 3	Hai	Hai	Năm
		3 chome, 3 ban, #1 đến 4	Ba & Sáu	Bảy lần 2 & 4	Năm	Năm	Năm
		3 chome, 3 ban, #5 đến 9	Tư & Bảy	Năm lần 2 & 4	Sáu	Sáu	Năm
		3 chome, 7 ban	Tư & Bảy	Năm lần 1 & 3	Ba	Sáu	Năm
		3 chome, 8 ban	Ba & Sáu	Bảy lần 1 & 3	Hai	Năm	Năm
		3 chome, 9 ban, #3	Tư & Bảy	Năm lần 1 & 3	Ba	Hai	Năm
		5 chome, 2 ban	Ba & Sáu	Bảy lần 2 & 4	Năm	Tư	Năm
		5 chome, 5 ban	Hai & Năm	Sáu lần 1 & 3	Tư	Tư	Năm
		5 chome, 6 ban; 6 chome	Hai & Năm	Sáu lần 2 & 4	Bảy	Tư	Năm
		7 chome, 3 ban, #1, 2, 6 và 7	Hai & Năm	Sáu lần 1 & 3	Tư	Năm	Năm
		7 chome, 3 ban, #3 và 4	Hai & Năm	Sáu lần 2 & 4	Bảy	Năm	Năm
		7 chome, 6 ban, #1, 2 và 3; 7 ban	Hai & Năm	Sáu lần 1 & 3	Tư	Bảy	Năm
		7 chome, 6 ban, #5 đến 19	Hai & Năm	Sáu lần 2 & 4	Bảy	Bảy	Năm
		7 chome, 8 ban	Tư & Bảy	Năm lần 1 & 3	Ba	Bảy	Năm
		Hikawadai		Ba & Sáu	Tư lần 1 & 3	Hai	Tư
K	Kamishakujii	1 chome	Hai & Năm	Ba lần 1 & 3	Tư	Bảy	Bảy
		2 đến 4 chome	Ba & Sáu	Tư lần 2 & 4	Năm	Bảy	Bảy
	Kamishakujiiminamicho		Hai & Năm	Ba lần 1 & 3	Tư	Năm	Năm
	Kasugacho		Tư & Bảy	Năm lần 2 & 4	Sáu	Sáu	Sáu
	Kitamachi	1 đến 3 và 5 đến 8 chome	Ba & Sáu	Bảy lần 1 & 3	Hai	Tư	Tư
		Housing buildings A đến F, Nerimakitamachi 2 chome	Ba & Sáu	Năm lần 1 & 3	Hai	Tư	Tư
4 chome (Tòa nhà Lực lượng tự vệ)		Tư & Bảy	Năm lần 1 & 3	Hai	Sáu	Tư	

Tên thị trấn			Rác cháy được	Rác không cháy được	Nhựa và giấy	Chai thủy tinh và lon	Chai nhựa
K	Kotakecho		Tư & Bảy	Hai lần 1 & 3	Ba	Ba	Ba
	Kouyama		Hai & Năm	Sáu lần 2 & 4	Bảy	Năm	Năm
M	Miharadai	1 và 3 chome	Ba & Sáu	Tư lần 1 & 3	Hai	Tư	Tư
		2 chome	Tư & Bảy	Hai lần 1 & 3	Ba	Tư	Tư
	Minamioizumi	1, 3 và 4 chome	Ba & Sáu	Bảy lần 1 & 3	Hai	Hai	Hai
		2 chome	Ba & Sáu	Bảy lần 2 & 4	Năm	Hai	Hai
		5 và 6 chome	Tư & Bảy	Năm lần 2 & 4	Sáu	Hai	Hai
	Minamitanaka		Hai & Năm	Ba lần 2 & 4	Bảy	Ba	Ba
N	Nakamura	1 và 2 chome	Hai & Năm	Sáu lần 1 & 3	Tư	Năm	Năm
		3 chome	Hai & Năm	Ba lần 2 & 4	Bảy	Năm	Năm
	Nakamurakita	1 và 2 chome	Hai & Năm	Sáu lần 1 & 3	Tư	Năm	Năm
		3 và 4 chome	Hai & Năm	Ba lần 2 & 4	Bảy	Năm	Năm
	Nakamuraminami	1 và 2 chome	Hai & Năm	Sáu lần 1 & 3	Tư	Năm	Năm
		3 chome	Hai & Năm	Ba lần 2 & 4	Bảy	Năm	Năm
	Nerima	1 chome	Tư & Bảy	Năm lần 1 & 3	Ba	Năm	Năm
		2 đến 4 chome	Tư & Bảy	Hai lần 2 & 4	Sáu	Năm	Năm
	Nishiki		Ba & Sáu	Tư lần 1 & 3	Hai	Tư	Tư
	Nishioizumi	1 đến 3 chome	Tư & Bảy	Năm lần 2 & 4	Sáu	Sáu	Sáu
		4 đến 6 chome	Tư & Bảy	Năm lần 1 & 3	Ba	Sáu	Sáu
	Nishioizumimachi		Tư & Bảy	Năm lần 1 & 3	Ba	Sáu	Sáu
Nukui	1 đến 4 chome	Hai & Năm	Ba lần 2 & 4	Bảy	Hai	Hai	
	5 chome	Hai & Năm	Sáu lần 2 & 4	Bảy	Hai	Hai	
O	Oizumigakuencho	1 chome	Tư & Bảy	Hai lần 2 & 4	Sáu	Sáu	Sáu
		2 và 3 chome	Tư & Bảy	Năm lần 2 & 4	Sáu	Sáu	Sáu
		4 đến 7 chome	Tư & Bảy	Năm lần 1 & 3	Ba	Sáu	Sáu
		8 và 9 chome	Tư & Bảy	Hai lần 1 & 3	Ba	Sáu	Sáu
	Oizumimachi	1 đến 4 chome	Tư & Bảy	Hai lần 1 & 3	Ba	Tư	Tư
		5 và 6 chome	Tư & Bảy	Hai lần 2 & 4	Sáu	Tư	Tư
S	Sakaecho		Tư & Bảy	Hai lần 1 & 3	Ba	Ba	Ba
	Sakuradai		Tư & Bảy	Năm lần 1 & 3	Ba	Ba	Ba
	Sekimachihigashi	1 chome	Hai & Năm	Ba lần 1 & 3	Tư	Năm	Năm
		2 chome	Ba & Sáu	Tư lần 2 & 4	Năm	Năm	Năm

Ngày thu gom rác không cháy được (2 lần/tháng)						
Chủ nhật	Hai	Ba	Tư	Năm	Sáu	Bảy
			1	2	3	4
5	6	7	8	9	10	11
12	13	14	15	16	17	18
19	20	21	22	23	24	25
26	27	28	29	30	31	

Rác không cháy được được thu gom 2 lần mỗi tháng.

- “Thứ Hai tuần 1 và tuần 3” nghĩa là ngày Thứ Hai đầu tiên và Thứ Hai thứ ba trong tháng. Tương tự, “Thứ Hai tuần 2 và tuần 4” nghĩa là ngày Thứ Hai thứ hai và Thứ Hai thứ tư trong tháng.
- Sẽ không có đợt thu gom rác không cháy được vào “tuần thứ 5” của tháng.

Ví dụ: Theo lịch bên trái, nếu ngày thu gom rác không cháy được là Thứ Hai tuần 1 và tuần 3, thì ngày thu gom sẽ là ngày mừng 6 và ngày 20.

※ Lưu ý: Các ngày từ 29 đến 31 sẽ được tính là “tuần thứ 5”, nên sẽ không thu gom rác không cháy được.

Tên thị trấn			Rác cháy được	Rác không cháy được	Nhựa và giấy	Chai thủy tinh và lon	Chai nhựa
S	Sekimachikita	1 đến 3 chome	Hai & Năm	Sáu lần 1 & 3	Tư	Năm	Năm
		4 và 5 chome	Ba & Sáu	Bảy lần 2 & 4	Năm	Năm	Năm
	Sekimachiminami	1 chome	Hai & Năm	Ba lần 1 & 3	Tư	Năm	Năm
		2 đến 4 chome	Hai & Năm	Sáu lần 1 & 3	Tư	Năm	Năm
	Shakujiidai	1 và 2 chome	Ba & Sáu	Tư lần 2 & 4	Năm	Bảy	Bảy
		3 chome	Ba & Sáu	Tư lần 1 & 3	Hai	Bảy	Bảy
		4, 5, 7 và 8 chome	Ba & Sáu	Bảy lần 2 & 4	Năm	Bảy	Bảy
		6 chome	Ba & Sáu	Bảy lần 1 & 3	Hai	Bảy	Bảy
	Shakujiimachi	1 chome	Hai & Năm	Sáu lần 2 & 4	Bảy	Tư	Tư
		2, 4, 7 và 8 chome	Ba & Sáu	Tư lần 1 & 3	Hai	Tư	Tư
		3 và 6 chome	Ba & Sáu	Tư lần 2 & 4	Năm	Tư	Tư
		5 chome	Hai & Năm	Ba lần 1 & 3	Tư	Tư	Tư
	Shimoshakujii	1 và 3 chome	Hai & Năm	Ba lần 2 & 4	Bảy	Ba	Ba
		2 và 4 đến 6 chome	Hai & Năm	Ba lần 1 & 3	Tư	Ba	Ba
T	Tagara	1 đến 5 chome (ngoại trừ khu vực bên dưới)	Ba & Sáu	Tư lần 2 & 4	Năm	Sáu	Sáu
		2 chome, 42 ban, Tòa nhà #4 đến 6	Ba & Sáu	Tư lần 2 & 4	Năm	Ba	Năm
	Takamatsu	1 đến 5 chome	Hai & Năm	Sáu lần 2 & 4	Bảy	Hai	Hai
		6 chome	Ba & Sáu	Bảy lần 2 & 4	Năm	Hai	Hai
	Takanodai		Hai & Năm	Sáu lần 2 & 4	Bảy	Ba	Ba
	Tatenochō		Hai & Năm	Sáu lần 1 & 3	Tư	Năm	Năm
	Toyotamakami	1 chome	Tư & Bảy	Hai lần 1 & 3	Ba	Bảy	Bảy
		2 chome	Hai & Năm	Ba lần 1 & 3	Tư	Bảy	Bảy
	Toyotamakita	1 đến 4 chome	Hai & Năm	Ba lần 1 & 3	Tư	Bảy	Bảy
		5 và 6 chome	Hai & Năm	Sáu lần 1 & 3	Tư	Bảy	Bảy
	Toyotamaminami		Hai & Năm	Ba lần 1 & 3	Tư	Bảy	Bảy
	Toyotamanaka	1 và 2 chome	Hai & Năm	Ba lần 1 & 3	Tư	Bảy	Bảy
		3 và 4 chome	Hai & Năm	Sáu lần 1 & 3	Tư	Bảy	Bảy
	Y	Yahara	1 đến 5 chome	Hai & Năm	Sáu lần 2 & 4	Bảy	Tư
6 chome			Tư & Bảy	Hai lần 1 & 3	Ba	Tư	Tư

